



BÁO CÁO

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2019**

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019



NỘI DUNG CHÍNH

I

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển ngành năm 2018

II

Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Kế hoạch năm 2019

PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018



1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu (05/05 chỉ tiêu vượt)

- (1) GDP toàn ngành tăng **3,76%** (trong đó nông nghiệp tăng 2,89%, lâm nghiệp tăng 6,01%, thủy sản tăng 6,46%), đạt mức cao nhất trong 7 năm gần đây, **vượt mục tiêu Chính phủ giao (2,8 - 3%)**.
- (2) Giá trị sản xuất NLTS tăng **3,86%**, **vượt mục tiêu đề ra (3,25%)**.
- (3) Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt mức kỷ lục **40,02 tỷ USD**, **vượt mục tiêu Chính phủ giao (36 - 37 tỷ USD)**.
- (4) Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí nông thôn mới: Cả nước có 3.838 xã (đạt 43,02%), bình quân đạt 14,57 tiêu chí/xã và 61 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, **vượt mục tiêu Chính phủ giao (37% số xã đạt chuẩn nông thôn mới)**.
- (5) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,65%, **vượt mục tiêu Chính phủ giao (41,6%)**.

2. Kết quả phát triển sản xuất

(1) Trồng trọt

- Giá trị sản xuất trồng trọt tăng 2,52%, cao hơn mục tiêu đề ra (2,2%);
- Diện tích lúa giảm, nhưng sản lượng lúa vẫn tăng 1,24 triệu tấn (+2,9%). Các địa phương chuyển đổi 138 ngàn ha đất lúa kém hiệu quả.
- Sản lượng và chất lượng nhiều loại rau màu tăng, trái cây tăng 68,4 ngàn ha và 300 ngàn tấn.



PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018



2. Kết quả phát triển sản xuất

(2) Chăn nuôi

- Giá trị sản xuất chăn nuôi tăng **3,98%**, cao hơn mục tiêu đề ra (3 - 3,5%).
- Có chuyển biến rõ nét trong tổ chức sản xuất theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, trang trại theo chuỗi.
- Một số sản phẩm chăn nuôi bước đầu đã xuất khẩu, như thịt lợn đông lạnh chính ngạch sang Myanmar, thịt gà sang Nhật Bản.



PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

2. Kết quả phát triển sản xuất

(3) Thủy sản

- Giá trị sản xuất tăng **6,5%**, vượt mục tiêu đề ra (5 - 5,5%).
- Tổng sản lượng thủy sản đạt 7,75 triệu tấn, tăng 6,1% so với năm 2017: *Khai thác đạt 3,6 triệu tấn, tăng 5,3%; nuôi trồng đạt 4,15 triệu tấn, tăng 6,7%.*



PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

2. Kết quả phát triển sản xuất (4) Lâm nghiệp

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng 6,1%.
- Sản lượng gỗ khai thác trong nước 18,5 triệu m³. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC là 226.300 ha; thu dịch vụ môi trường rừng 2.938 tỷ đồng, tăng 60%.
- Khai thông thị trường cho xuất khẩu, Việt Nam và EU đã ký kết VPA/FLEGT.



PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

3. Công nghiệp chế biến và tiêu thụ NLTS

- Có 16 nhà máy chế biến rau quả, thịt lợn, gia cầm hiện đại với tổng mức đầu tư khoảng 8.700 tỷ đồng được khởi công và khánh thành.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 40,02 tỷ USD, tăng 9,6% so với năm 2017; thặng dư thương mại đạt 8,72 tỷ USD. Tiếp tục duy trì 10 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1,0 tỷ USD, trong đó có 6 mặt hàng (gạo, cà phê, điều, trái cây; gỗ và sản phẩm gỗ; tôm) trên 3 tỷ USD.





PHẦN I. KẾT QUẢ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

4. Đánh giá tổng thể

- Cơ cấu lại ngành có trọng tâm, trọng điểm, phát huy hiệu quả.
- Hoàn thành và vượt 05/05 chỉ tiêu chủ yếu và các chỉ tiêu tiêu ngành, lĩnh vực.

5. Hạn chế, thách thức

- Cơ cấu lại nông nghiệp chưa đồng đều
- Chế biến sâu chưa phát triển; năng suất lao động và hiệu quả kinh tế chưa cao. Thị trường tiêu thụ biến động, nguy cơ rủi ro.
- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; quản lý ATTP vẫn rất khó khăn, phức tạp.
- Chưa giải quyết dứt điểm việc gỡ “Thẻ vàng” của EC đối với đánh bắt hải sản.
- Khoảng cách chênh lệch về kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các vùng, miền khá lớn

PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH NĂM 2019



1. Mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển ngành

- **Mục tiêu chiến lược đến năm 2030:** Phát triển một nền NN thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh. Phấn đấu thực hiện mục tiêu xây dựng một nền NN thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại.

- **Mục tiêu kế hoạch ngành năm 2019:** *Xây dựng nền NN thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng NTM phồn vinh và văn minh.*

* **Định hướng phát triển:** Cơ cấu lại NN gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng NTM, nhằm tạo đột phá trong phát triển NN hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả xây dựng NTM, cải thiện đời sống của nông dân, bảo vệ môi trường.

Định hướng cân đối các nguồn lực lớn cho phát triển (tài nguyên đất, nước, lao động..). **tổ chức lại sản xuất theo chuỗi 3 nhóm sản phẩm chủ lực;** cơ cấu lại từng ngành, lĩnh vực sản xuất theo vùng, miền, địa phương.

PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH NĂM 2019



2. Mục tiêu cụ thể:

(1) Các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch ngành năm 2019: (i) Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành trên 3,0%; (ii) Giá trị sản xuất NLTS trên 3,11%; (iii) Kim ngạch xuất khẩu trên 43 tỷ USD; (iv) Có ít nhất 50% xã và trên 70 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; (v) Tỷ lệ che phủ rừng trên 41,85%.

(2) Đến năm 2025: (i) Tăng trưởng GDP toàn ngành khoảng 3,0 - 3,2%/năm; (ii) Số xã đạt tiêu chuẩn NTM khoảng 75% (trong đó ít nhất 25% đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); (iii) Thu nhập bình quân đầu người của dân cư nông thôn gấp 1,8 lần năm 2020; (iv) Lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%.

(3) Đến năm 2030: (i) Tăng trưởng GDP NLTS khoảng 3%/năm; (ii) Tăng trưởng CN, DV nông thôn trên 10%/năm; (iii) Số xã đạt chuẩn NTM trên 90%; (iv) Thu nhập của dân cư nông thôn gấp trên 3 lần so với năm 2020; (v) Lao động NN còn khoảng 15% trong tổng lao động xã hội.

PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH NĂM 2019



3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu (8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp):

1. Tiếp tục cơ cấu lại ngành; đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Các lĩnh vực thể như sau:

- (1) **Trồng trọt:** Tốc độ tăng GTSX trên **1,78%**, **giá trị gia tăng trên 1,58%**. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm; phát triển mạnh cây ăn quả, các loại rau, hoa, cây dược liệu.
- (2) **Chăn nuôi:** Tốc độ tăng GTSX trên **4,15%**, **giá trị gia tăng trên 4%**. Phát triển chăn nuôi tập trung, công nghiệp và bán công nghiệp; mở rộng xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi.
- (3) **Thủy sản:** Tốc độ tăng GTSX trên **4,69%**, **giá trị gia tăng trên 4,65%**. Nâng cao chất lượng khai thác xa bờ bền vững; phát triển nuôi các đối tượng chủ lực.
- (4) **Lâm nghiệp:** Tốc độ tăng GTSX trên **6%**, **giá trị gia tăng trên 5,8%**. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có; khôi phục hệ thống rừng ven biển; kiểm soát chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng; đẩy mạnh xã hội hóa nghề rừng; khai thông thị trường, triển khai thực hiện VPA/FLEGT.

PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH NĂM 2019



(5) **Phát triển công nghiệp chế biến**, ưu tiên chế biến tinh, chế biến sâu, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực.

(6) **Phát triển mạnh thị trường tiêu thụ cả trong nước và xuất khẩu**: Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2019 đạt trên 43 tỷ USD, trong đó sản phẩm trồng trọt 21 tỷ USD, thủy sản 10,5 tỷ USD, lâm nghiệp 10,5 tỷ USD, nông sản khác 1 tỷ USD.

2. Phát triển nông thôn, trọng tâm là Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

3. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tăng cường quản lý tài nguyên; chú trọng phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu: Tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công được giao. ***Trong đó thu hút nguồn vốn ODA theo định hướng***: (i) Kết cấu hạ tầng NN, NT; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai; đảm bảo an toàn đập; cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, trung tâm nghề cá lớn; (ii) Xây dựng chính sách, thể chế; (iii) Phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao tri thức và phát triển công nghệ; (iv) Sử dụng làm nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức PPP.

PHẦN II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH NĂM 2019



- 4. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng, ATTP**
- 5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh:** Thành lập mới 2.100 HTX NN, nâng tổng số lên 15.500 HTX NN; số doanh nghiệp nông nghiệp thành lập mới là 2.300 DN, nâng tổng số doanh nghiệp nông nghiệp lên 11.535 doanh nghiệp.
- 6. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:** Triển khai các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực NN công nghệ cao, hữu cơ, sạch, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, giảm tổn thất trong nông nghiệp.
- 7. Tích cực xây dựng thể chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính**
- 8. Thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ**



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!